

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày: 15-6-2023

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Đặng Văn Hai;

Nguyễn Phát Triển.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-DS, ngày 23/3/2023, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐST-DS ngày 08/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2023/QĐST-DS, ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971 là chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ H. Địa chỉ: Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ liên hệ: xã Tân P Đông, Tp Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Nguyễn Văn Y, sinh năm: 1957; Địa chỉ: xã Tân T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 14/10/2015 ông Y có đến cửa hàng của bà H vay số tiền 10.000.000đ có làm hợp đồng cầm đồ không có lãi xuất, thời hạn nhưng có thỏa thuận miệng thời hạn 01 năm và thế chấp một giấy chứng nhận QSD đất thửa 13 tờ bản đồ 96 nhưng từ khi vay đến nay ông Y không đóng lãi cũng như không trả nợ, bà H đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng ông Y không trả và cố tình né tránh. Do đó Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Y trả cho Nguyễn Thị H số tiền nợ vay vốn 10.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 14/10/2016 đến ngày 14/12/2022 là 73 tháng $\times 0,83\% \times 10.000.000đ = 6.059.000$ đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 16.059.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 473901 số vào sổ cấp GCN: CH05160 do UBND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ông Y ngày 30/3/2015 cho ông Ông Y. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu FASHION biển số 66P1-136.80 của ông Y thì bà H có giữ do ông Y không trả vốn cũng không trả lãi nên bà H mới giữ xe của ông Y nay bà H đồng ý trả lại cho ông Y chiếc xe máy này nhưng không yêu cầu gì trong vụ án này.

* Tại phiên tòa bị đơn Ông Y trình bày: Ông Y thừa nhận là có vay của bà H số tiền 10.000.000đ và cầm một giấy chứng nhận QSD đất thửa 13 tờ bản đồ 96 cấp cho hộ ông Y, bà H lấy lãi 20.000đ/1.000.000đ/ngày khi vay xong thì ông Y có đóng lãi cho bà H 2.000.000đ rồi không có khả năng đóng nữa cho đến nay và bà H cũng có giữ của ông Y một chiếc xe máy nhãn hiệu FASHION biển số 66P1-136.80 nhưng ông Y không yêu cầu trong vụ án này nếu có khởi kiện sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, nay ông Y đồng ý trả cho bà H số tiền 10.000.000đ chứ không đồng ý trả lãi và xin trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Ông Y trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Y trả cho Nguyễn Thị H số tiền nợ vay vốn 10.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 14/10/2016 đến ngày 14/12/2022 là $73 \text{ tháng} \times 0,83\% \times 10.000.000\text{đ} = 6.059.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn và lãi là 16.059.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp đồng cầm cố, tại mục đại diện bên B có chữ ký tên và ghi họ tên Ông Y, ông Y cũng thừa nhận có nợ bà H số tiền này và đồng ý trả cho bà H số tiền 10.000.000đ nhưng xin mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến hết nhưng bà H không đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định Ông Y nợ tiền bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 473901 số vào sổ cấp GCN: CH05160 do UBND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ông Y ngày 30/3/2015 cho ông Ông Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Đối với tiền lãi khi vay không có thỏa thuận tiền lãi nhưng đến hạn trả nợ Ông Y không trả nên Nguyễn Thị H tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 14/10/2016 đến ngày 14/12/2022 là $73 \text{ tháng} \times 0,83\% \times 10.000.000\text{đ} = 6.059.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 16.059.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu FASHION biển số 66P1-136.80 nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu gì trong vụ án này nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyễn Thị H.
2. Buộc Ông Y trả cho Nguyễn Thị H số tiền nợ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi 6.059.000 đồng (Sáu triệu, không trăm năm mươi chín nghìn đồng), tổng cộng vốn và lãi là 16.059.000 đồng (Mười sáu triệu, không trăm năm mươi chín nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bà Nguyễn Thị H đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 473901 số vào sổ cấp GCN: CH05160 do UBND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ông Y ngày 30/3/2015.

5. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Y phải chịu 802.950 đồng (tám trăm lẻ hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyễn Thị H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 402.000 đồng (Bốn trăm lẻ hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0015742, ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/6/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Diễm